

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19/4/2018

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Thu Trang.

2. Ông Bùi Văn Dệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 561/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2017 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/3/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần B, sinh năm 1981. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Ông Võ T, sinh năm 1978. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/12/2017, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần B trình bày:

Bà và ông Võ T cưới nhau năm 1998, đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng từ khi có con ông T trở nên thay đổi. Ông T không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên chơi bời, không chịu làm ăn chăm lo cho gia đình. Mỗi lần uống rượu say về quậy phá, chửi mắng vợ con. Bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông T vẫn không thay đổi. Qua nhiều năm như vậy làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, hạnh phúc gia đình ngày càng rạn nứt. Tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Giữa bà và ông T có 02 con chung tên là Võ N, sinh ngày 08/11/1998 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được và Võ Y, sinh ngày 22/3/2008. Các con đang sống chung với bà. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Y, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không tranh chấp.

Về nợ chung: Bà B khai không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật và chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Tòa án xét xử vụ kiện vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Võ T là bị đơn trong vụ án có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại xã H, huyện G nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm. Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy bà Trần B và ông Võ T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre vào năm 2009. Hôn nhân của ông bà là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bà B cho rằng sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc được vài năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn không chịu làm ăn chăm lo cho gia đình. Mỗi lần uống rượu say về chửi mắng vợ con. Do tình cảm vợ chồng đã không còn, gia đình không có hạnh phúc nên bà B xin được ly hôn với ông T. Xét thấy, giữa bà B và ông T đã xảy ra mâu thuẫn, ông T không quan tâm, chăm sóc vợ con, không chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình. Ngoài ra, theo chứng cứ xác minh, thu thập được thể hiện: Tình trạng hôn nhân giữa bà B và ông T đã rạn nứt, gia đình mất hạnh phúc do thiếu hụt về kinh tế nên ông Tnhậu say về gây gổ, chửi bới vợ con.

Đối với ông T, Tòa án đã nhiều lần thông báo cho ông đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T vẫn không đến. Do đó, Tòa án không thể tiến hành hòa giải cho ông và bà B đoàn tụ được. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của bà B và ông T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà B.

[3] Về con chung: Bà B và ông T có 02 con chung tên là Võ N, sinh ngày 08/11/1998 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được và Võ Y, sinh ngày

22/3/2008. Bà B yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Y, không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Xét thấy, hiện tại cháu Y đang sống chung với bà B, bà B có yêu cầu nuôi con chung là phù hợp. Ngoài ra, sau khi được hỏi ý kiến thì cháu Y cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà B.

[4] Về tài sản chung: Bà B khai tự thỏa thuận, không tranh chấp. Về nợ chung: Bà B khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà B phải chịu là 300.000 đồng.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần B. Bà Trần B được ly hôn với ông Võ T.

Về con chung: Bà B và ông T có 02 con chung tên là Võ N, sinh ngày 08/11/1998 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được và Võ Y, sinh ngày 22/3/2008. Giao cháu Y cho bà B được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Y cho đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận bà B không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T được quyền thăm nom con không ai được cản trở ông thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Bà B không tranh chấp.

Về nợ chung: Bà B khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần B phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0013784 ngày 19/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Bà B đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- CCTHADS huyện Giồng Trôm;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu.

Ngô Thị Gấm

